SỰ KẾT NỐI CỦA NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM VỚI NỀN GIÁO DỤC QUỐC TẾ THỜI KỲ 1954-1975*

*NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN ** - LÊ TUẤN VINH ****

Tóm tắt: *Từ năm 1954 đến năm 1975, trong thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nền giáo dục mới xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm đến mục tiêu đào tạo con người toàn diện. Trong điều kiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc diễn ra hết sức khó khăn, lại bị chiến tranh chống phá của đế quốc Mỹ, để hiện thực mục tiêu này thì cùng với quá trình thiết lập, củng cố nền giáo dục trong nước là quá trình Đảng chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kết nối và tổ chức đưa học sinh, sinh viên, cán bộ khoa học kỹ thuật sang học tập, bồi dưỡng ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa. Kết quả và tác động của hoạt động này không chỉ phục vụ trực tiếp trong giai đoạn bấy giờ mà còn có ý nghĩa cho đến hiện nay.*

Từ khóa: *Giáo dục; giáo dục Việt Nam; giáo dục quốc tế; thời kỳ 1954-1975, kết nối.*

1. Bối cảnh lịch sử và chủ trương của Đảng

Sau ngày miền Bắc được giải phóng (1954), Đảng Lao động Việt Nam sớm xác định nhiệm vụ chiến lược của miền Bắc là khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế; xây dựng chủ nghĩa xã hội là hậu phương, giữ vị trí quyết định nhất đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước. Đường lối chung được xác định là: Củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến dần từng bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Trước yêu cầu mới của cách mạng, nền giáo dục miền Bắc vừa phải đảm nhận nhiệm vụ đào tạo cán bộ phục vụ công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, cải tạo xã hội chủ nghĩa, vừa phải đào tạo cán bộ cung cấp cho bộ máy chính quyền các cấp và cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý cho các trường chuyên nghiệp đang trên đà phát triển mạnh. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 14 (11-1958), Ban Chấp hành Trung ương Đảng tiếp tục khẳng định: "Công cuộc phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân đòi hỏi phải có một đội ngũ cán bộ cần thiết, chất lượng tốt, trung thành với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa... cần phải thi hành mọi biện pháp để tăng thêm số lượng và nâng cao trình độ các cán bộ kinh tế, kỹ thuật, nghiên cứu khoa học"[1].

Nhằm đáp ứng yêu cầu đó, song song với giải pháp mở rộng các trường đại học, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong nước, Đảng và Chính phủ đặc biệt coi trọng *hoạt động kết nối*

** Bài viết là sản phẩm của đề tài khoa học cấp cơ sở mã số 08/CSTC.17 năm 2017 "Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo xây dựng và phát triển giáo dục - đào tạo thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ (1930-1975)".*

*** Tiến sĩ, Học viện Chính trị Khu vực I.*
**** Thạc sĩ, Học viện Chính trị Khu vực I.*

1 - ĐCSVN: Văn kiện Đảng toàn tập, tập 19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 501.

giáo dục quốc tế[2] nhằm đẩy mạnh việc gửi sinh viên, cán bộ, lao động đi học tập, đào tạo ở nước ngoài, chủ yếu là ở các nước xã hội chủ nghĩa. Giải pháp này cũng thuận lợi hơn trong bối cảnh tình đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa đối với cách mạng Việt Nam đã có sự chuyển biến tích cực từ những "cảm tính" sang các hành động "giúp đỡ" thiết thực.

2. Kết nối nền giáo dục miền Bắc với nền giáo dục các nước xã hội chủ nghĩa thời kỳ 1954-1975

* Giai đoạn 1954-1965

Từ năm 1954 đến năm 1960, giáo dục đại học ở miền Bắc có bước phát triển quan trọng về cơ sở vật chất, trường lớp, các ngành đào tạo, đặc biệt là đội ngũ cán bộ giảng dạy. Trong giai đoạn này, giáo dục đại học đứng trước yêu cầu vừa phải mở rộng quy mô, vừa phải tăng cường nâng cao chất lượng để đào tạo cán bộ chuyên môn phục vụ cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, trước hết là kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, giải pháp được ngành giáo dục coi trọng là gửi sinh viên, nghiên cứu sinh ra nước ngoài để học tập. Nghị quyết Trung ương 8 khoá III của Đảng đề ra chỉ tiêu: Từ năm 1963 đến năm 1965, trung bình mỗi năm đưa được khoảng 300-400 sinh viên tốt nghiệp đại học ra nước ngoài học tập để nâng cao trình độ phó tiến sĩ, kỹ sư trưởng, tổng công trình sư. Đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật, mục tiêu trong 5 năm (1961-1965) sẽ đưa được khoảng 1.000 công nhân đi học ở nước ngoài.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng, hoạt động cử *sinh viên, nghiên cứu sinh, cán bộ, lao động kỹ thuật* đi học tập ở nước ngoài được đẩy mạnh. Nếu như trước năm 1954, Việt Nam mới chỉ gửi học sinh đi đào tạo ở ba nước Liên Xô, Trung Quốc và Cộng hoà Dân chủ Đức thì trong giai đoạn này, học sinh miền Bắc được gửi đi học ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa. Nhằm đáp ứng yêu cầu đảm bảo lưu học sinh được cử đi học có trình độ văn hoá, chính trị và sức khoẻ, Đảng và Nhà nước chú trọng tuyển dụng những người có công với nước, đã tham gia lao động sản xuất, chiến đấu như bộ đội, công nhân viên nhà nước, thanh niên xung phong, cán bộ tham gia kháng chiến chống Pháp, cán bộ miền Nam, con em miền Nam ra miền Bắc tập kết, học sinh dân tộc thiểu số... Các lưu học sinh đi đào tạo ở nhiều lĩnh vực khoa học như: Khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, nông nghiệp, y dược, khoa học xã hội, chế tạo máy và dụng cụ xây dựng, nông lâm ngư nghiệp, địa chất, tìm kiếm khoáng sản, năng lượng, công nghiệp hoá học, luyện kim, thông tin liên lạc, kinh tế giao thông vận tải, sư phạm, tiếng nước ngoài...

Tháng 9-1960, Đại hội lần thứ III của Đảng thông qua đường lối cách mạng chung của cả nước. Đối với miền Bắc, Đại hội đề ra kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) với mục tiêu đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Nhằm đáp ứng nguồn nhân lực cao phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, song song với các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong nước, công tác đưa học sinh ra nước ngoài học tập, đào tạo tiếp tục được đẩy mạnh. Điều này dẫn tới số lượng lưu học sinh từ năm 1960 có sự gia tăng mạnh mẽ:

---

2 - Kết nối giáo dục quốc tế có thể hiểu là sự gắn kết trong hoạt động giáo dục giữa các quốc gia với nhau, biểu hiện trên nhiều cấp độ, mức độ với nhiều nội dung phong phú. Trong giai đoạn Việt Nam tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi miền Bắc (1954-1975), hoạt động kết nối giáo dục quốc tế tiêu biểu giữa Việt Nam với các nước biểu hiện rõ nét nhất là việc tổ chức đưa học sinh, cán bộ, lao động... đi học tập, bồi dưỡng ở nước ngoài, chủ yếu là các nước xã hội chủ nghĩa (về phía Việt Nam) và hoạt động cử chuyên gia, nhà khoa học sang hỗ trợ, giúp đỡ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất đất nước ở Việt Nam (về phía các nước bạn). Trong phạm vi hẹp của bài viết này, tác giả tiếp cận nghiên cứu nội dung kết nối giáo dục quốc tế ở Việt Nam thời kỳ 1954 – 1975 ở riêng mảng đưa cán bộ, học sinh, lao động... Việt Nam đi học tập, bồi dưỡng, nghiên cứu ở nước ngoài. (Tác giả)

Bảng 1: Nghiên cứu sinh, thực tập sinh khoa học, sinh viên đại học, cao đẳng gửi đi đào tạo ở nước ngoài (phân theo hình thức đào tạo)[3].

Thời gian		Lưu học sinh đào tạo trong năm			
Năm	Năm học	Tổng số người	Hình thức đào tạo		
			Nghiên cứu sinh	Thực tập sinh	Đại học, cao đẳng
1952		20			20
1953		244			244
1954		329			329
1955	1955-1956	406			406
1956	1956-1957	280			280
1957	1957-1958	22	17		5
1958	1958-1959	63	21	8	34
1959	1959-1960	373	9	6	358
1960	1960-1961	1.085	74	48	963
1961	1961-1962	1.570	38	52	1.480
1962	1962-1963	1.040	30	3	1.007
1963	1963-1964	571	65	101	405
1964	1964-1965	366	35	76	255
1965	1965-1966	3.738	245	48	3.445

Sự tăng mạnh về số lượng lưu học sinh cùng những diễn biến phức tạp ở một số nước xã hội chủ nghĩa giai đoạn này đặt ra yêu cầu phải tăng cường công tác quản lý. Bộ phận quản lý lưu học sinh (gồm chủ yếu là những người đã có kinh nghiệm trong công tác đào tạo ở các trường đại học trong nước) được thành lập và trực thuộc sứ quán Việt Nam ở từng nước, có nhiệm vụ quản lý các mặt: Tình hình học tập chuyên môn, chính trị - tư tưởng, tổ chức, sinh hoạt của lưu học sinh. Ngoài ra, một số giải pháp khác cũng đã được thực hiện, góp phần "điều chỉnh" lại hoạt động học tập, nghiên cứu của các lưu học sinh tại nước ngoài[4].

Bên cạnh số du học sinh ở miền Bắc, thời kỳ này cũng có không ít du học sinh ở miền Nam được đưa ra nước ngoài học tập. Ngày 6-7-1956, gần 400 nữ sinh miền Nam được Bộ Giáo dục cử sang học tại Khu học xá Việt Nam tại Trung Quốc[5]. Tiếp đó, tháng 12-1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập đã nhanh chóng xây dựng cơ quan đại diện ở thủ đô một số nước xã hội chủ nghĩa. Thông qua Mặt trận, đến tháng 6-1964, đã có 42 lưu học sinh miền Nam được gửi đi đào tạo ở nước ngoài.

Cùng với số lượng lớn sinh viên được cử đi học nước ngoài, nhằm đáp ứng yêu cầu về xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, ngành giáo dục thực hiện chủ trương *gửi cán bộ giảng dạy* đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước

3 - Ngô Văn Hà: Giáo dục đại học ở miền Bắc thời kỳ 1954-1975, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 87-88.

4 - Năm học 1963-1964, tình hình chính trị ở một số nước xã hội chủ nghĩa diễn biến phức tạp đã tác động đến tình hình chính trị - tư tưởng của lưu học sinh, do đó, nước ta đã đề nghị nước bạn cho lưu học sinh về nước học chính trị vào dịp hè. Sau đợt học chính trị này, một số lưu học sinh trở lại nước bạn học tập, một số ở lại công tác và học tại các trường đại học trong nước. Từ năm học 1964 - 1965, miền Bắc tạm thời không gửi sinh viên đi học các môn khoa học xã hội ở nước bạn.

5 - Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc: Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc những sự kiện lịch sử 1945-1960, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003, tr. 222.

ngoài, chủ yếu là Liên Xô. Theo đó, đến năm học 1964-1965, đã có 500 cán bộ giảng dạy được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, trong đó gần 50% là nghiên cứu sinh[6]. Từ năm 1955 đến năm 1964, chỉ riêng trên lãnh thổ Liên Xô, đã có 3.900 lưu học sinh, trong đó có 262 nghiên cứu sinh Việt Nam tham gia học tập, nghiên cứu và thực tập khoa học.

**** Giai đoạn 1965-1975***

Từ năm 1965, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước diễn ra ngày càng ác liệt. Với âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với cách mạng miền Nam, đế quốc Mỹ tăng cường đưa không quân và hải quân ra bắn phá miền Bắc. Trong điều kiện đó, mục tiêu mở rộng quy mô gắn với nâng cao chất lượng đào tạo trong nước gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, việc gửi lưu học sinh ra nước ngoài đào tạo được chú trọng và đẩy mạnh hơn. Ngày 29-5-1965, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Thông tri số 162-CT/TW về việc chọn người đi học khoa học, kỹ thuật ở nước ngoài, trong đó nêu rõ: "Cần gấp rút lựa chọn hàng ngàn người cho đi học khoa học, kỹ thuật ở nước ngoài để đào tạo thành cán bộ có trình độ đại học và cao hơn đại học"[7]. Đối với nghiên cứu sinh, "cần chọn những người có phẩm chất chính trị tốt, đã tốt nghiệp đại học, có triển vọng và khả năng nghiên cứu khoa học"[8]. Như vậy, điểm nhấn mạnh trong công tác gửi cán bộ đi học giai đoạn này là việc *chú trọng nhiều hơn vào mục tiêu đào tạo cán bộ có trình độ sau đại học.*

Để đảm bảo chỉ tiêu đưa người đi học ở nước ngoài, Ban Bí thư chỉ thị cho các cơ quan, ban ngành tiến hành giải thích, tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên nhận thức rõ tầm quan trọng và cấp thiết của công tác bố trí sắp xếp, tạo điều kiện thuận lợi cử người đi học. Thời gian này, bên cạnh vai trò chủ đạo của Bộ Đại học trong xây dựng kế hoạch đàm phán với các nước bạn về đào tạo lưu học sinh còn có sự tham gia của nhiều bộ, ngành trực tiếp đàm phán với các cơ quan tương ứng của nước bạn để đưa người ra nước ngoài đào tạo. Với những chính sách đó, từ sau năm 1965, số lượng lưu học sinh tăng nhanh, đặc biệt ở các nước:

1- Liên Xô

Trong những năm 1965-1974, Liên Xô vẫn là "điểm đến" chính, Nhà nước Liên Xô đã tiếp nhận đào tạo cho Việt Nam gần 10.000 lưu học sinh, trong đó có gần 1.341 nghiên cứu sinh và 323 thực tập sinh đại học[9]. Không chỉ giúp đỡ Việt Nam đào tạo các lưu học sinh, Liên Xô còn giúp Việt Nam đào tạo cán bộ, bộ đội để tiếp nhận, sử dụng hiệu quả vũ khí viện trợ, nhất là những vũ khí hiện đại. Theo Báo cáo của Đại sứ quán Liên Xô tại Việt Nam, riêng năm 1966, đã có 2.600 người Việt Nam được gửi đào tạo ngành không quân và phòng không tại Liên Xô. Trong năm 1966, Liên Xô đào tạo cho Việt Nam đội ngũ đủ để xây dựng một trung đoàn phòng không, kỹ thuật viên cho một trung đoàn không quân và hàng chục phi công[10]. Theo Thượng tướng A.I.Hyupenen, Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam (1972-1975), thì năm 1966, đã có 1.342 người lính Việt Nam bắt đầu học tập trong các trường quân sự của Liên Xô; trong hai năm 1966-1967, các cơ sở giáo dục quốc phòng Liên Xô đã đào tạo cho Việt Nam khoảng 3.000 quân nhân[11], đến hết năm 1975, Liên Xô đã đào tạo cho Việt Nam khoảng 13.500 quân nhân[12].

---

6 - Ngô Văn Hà: Giáo dục đại học ở miền Bắc thời kỳ 1954-1975, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 90.

7 - ĐCSVN: Văn kiện Đảng toàn tập, tập 26, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 196.

8 - ĐCSVN: Văn kiện Đảng toàn tập, tập 26, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 196.

9 - Quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện Việt Nam - Liên Xô, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1988, tr.88-89.

10 - Báo cáo của Đại sứ quán SSSR tại Việt Nam gửi Bộ Ngoại giao Liên bang các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết, ngày 25-12-1966, *Trung tâm lưu trữ quốc gia Liên bang Nga, phông 17, đơn vị bảo quản số 165, hồ sơ số 142, tài liệu số 12, tr.8.*

11 - A.I.Hyupenen: Hỗ trợ kỹ thuật quân sự của Liên Xô cho Việt Nam trong chiến tranh chống Mỹ, Tuyển *tập "Chiến tranh Việt Nam: Nhìn lại qua tháng năm", M, 2000, (tiếng Nga), tr. 44.*

12 - Báo cáo của Tổng cục 10 - Bộ Quốc phòng, Liên bang các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết ngày 30-12-1975, *Trung tâm lưu trữ quốc gia Liên bang Nga, phông 585, đơn vị bảo quản số 4, hồ sơ số 160, tài liệu số 20, tr. 9.*

2 - Trung Quốc

Ngày 14-2-1967, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng ban hành Quyết định số 34-TTg về việc chuyển các trường Nhi đồng miền Nam, học sinh miền Nam, học sinh là người dân tộc miền Nam và trường Nguyễn Văn Trỗi với tổng số 2.137 học sinh, cán bộ giáo viên sang Quế Lâm - Trung Quốc để học tập[13]. Việc chuyển một bộ phận học sinh sang Trung Quốc học tập có ưu điểm là đảm bảo an toàn cho học sinh, bên cạnh đó còn nhận được sự giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi của Chính phủ Trung Quốc. Tuy nhiên, số học sinh ở Trung Quốc gồm nhiều đối tượng, nhiều lứa tuổi khác nhau. Nhà trường nội trú đặt trên đất nước bạn xa thực tế chiến đấu, sản xuất của nhân dân Việt Nam, xa thực tế giáo dục trong nước, xa sự chỉ đạo của Trung ương và Bộ Giáo dục. Tại các trường ở Quế Lâm, tình trạng thiếu phòng học, thiếu nhà ở, đội ngũ giáo viên thiếu về số lượng và chất lượng, kinh nghiệm quản lý nội trú còn ít... cũng là những khó khăn.

Trước thực trạng đó, tháng 11-1967, Bộ Giáo dục quyết định thành lập *Khu Giáo dục học sinh miền Nam tại Quế Lâm, Trung Quốc* để trực tiếp quản lý các trường học sinh miền Nam trên đất nước bạn. Ngay sau khi thành lập, *Khu Giáo dục học sinh miền Nam tại Quế Lâm* đã cùng với các trường tích cực phối hợp hoạt động, vượt qua những khó khăn, thiếu thốn, xây dựng các trường thành trường xã hội chủ nghĩa tiên tiến, ra sức thực hiện mục tiêu cấp học theo tinh thần và phương hướng của Trung ương Đảng mà trực tiếp là Bộ Giáo dục Việt Nam.

Với sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa, số lượng cán bộ, học sinh, sinh viên của Việt Nam đi học tập ở nước ngoài tăng lên nhanh chóng, đặc biệt trong đó là số lượng các nghiên cứu sinh (rất nhiều người trong số này khi trở về nước đã trở thành những chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, xã hội).

Bảng 2: Nghiên cứu sinh, thực tập sinh khoa học, sinh viên đại học - cao đẳng gửi đi đào tạo ở nước ngoài (phân theo hình thức đào tạo)[14].

Thời gian		Tổng số	Lưu học sinh đào tạo trong năm		
Năm	Năm học		Hình thức đào tạo		
			Nghiên cứu sinh	Thực tập sinh	Đại học, cao đẳng
1965	1965-1966	3.738	245	48	3.445
1966	1966-1967	2.129	231	97	1.801
1967	1967-1968	3.492	317	100	3.075
1968	1968-1969	3.597	504	68	3.025
1969	1969-1970	2.686	343	26	2.317
1970	1970-1971	1.589	319	20	1.250
1971	1971-1972	1.905	230	119	1.556
1972	1972-1973	1.759	118	102	1.539
1973	1973-1974	1.524	248	66	1.210
1974	1974-1975	1.496	321	45	1.130
1975	1975-1976	1.084	226	25	833

3. Một số nhận xét

Một là, hoạt động đưa học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh, cán bộ, lao động kỹ thuật Việt Nam đi học tập, bồi dưỡng ở nước ngoài thời kỳ 1954-1975 là một chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước Việt Nam.

13 - Phủ Thủ tướng, Công văn đàm phám với Bộ Giáo dục Trung Quốc về việc chuyển các trường học sinh miền Nam sang Quế Lâm học tập, Trung tâm lưu trữ Quốc gia III Hà Nội, Phông UBTNCP, Hồ sơ 18054, năm 1965, tr. 22.

14 - Ngô Văn Hà: Giáo dục đại học ở miền Bắc thời kỳ 1954-1975, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 151.

Chủ trương này được tiếp thêm thuận lợi bởi những quan điểm cởi mở và sự giúp đỡ chân tình của các nước xã hội chủ nghĩa ở trong giai đoạn này. Việc gửi học sinh đi học tập, đào tạo ở các nước xã hội chủnghĩa đã góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, thông qua việc học tập, tiếp thu những thành tựu về khoa học kỹ thuật, giáo dục của các nước tiên tiến. Đội ngũ lưu học sinh Việt Nam được rèn luyện, bồi dưỡng trong môi trường thuận lợi của các nước tiếp nhận nên đạt kết quả cao. Nguồn nhân lực được bổ sung từ chương trình hợp tác quốc tế này rất đa dạng, bao gồm các lưu học sinh, cán bộ, giảng viên, các nghiên cứu sinh, lao động đi đào tạo... Đó là những nguồn bổ sung đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa đóng góp thiết thực cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thời kỳ này và của cả nước thời kỳ sau.

Hai là, trong hoạt động di cư đào tạo nghề, đội ngũ lao động có kỹ thuật được học tập, đào tạo, bồi dưỡng trong môi trường khoa học, nghiêm túc, kỷ luật của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đã không ngừng trưởng thành và phát huy được tiềm năng, thế mạnh vào thực tiễn công tác khi trở về nước... Ngoài ra, số lượng không nhỏ cán bộ lãnh đạo các cơ quan dạy nghề của Trung ương và địa phương được cử sang bồi dưỡng ở nước ngoài, có cơ hội tiếp cận, nghiên cứu lý luận cơ bản về quản lý ngành nghề, tâm lý, giáo dục, quản lý quá trình đào tạo, công tác nhà trường... giúp cho việc nhận thức và thực hiện chính sách của Nhà nước trong công tác dạy nghề một cách thống nhất.

Ba là, thời kỳ 1954-1975 là thời kỳ nhân dân miền Bắc thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội còn đồng bào, chiến sĩ miền Nam đẩy mạnh cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Trong điều kiện khó khăn đó, việc các cán bộ, sinh viên, nghiên cứu sinh và lao động kỹ thuật Việt Nam được cử sang học tập, sinh sống tại nhiều nước bạn trên thế giới không chỉ nhằm mục tiêu đào tạo, nâng cao chất lượng chuyên môn, trình độ mà họ còn làm tốt vai trò kết nối nền giáo dục Việt Nam với nền giáo dục của các nước trên thế giới. Ý nghĩa hơn, đó còn là những biểu tượng của tình đoàn kết, gắn bó giữa Đảng, Chính phủ, nhân dân Việt Nam với bạn bè quốc tế trong giai đoạn chúng ta phải tiến hành đồng thời cả hai nhiệm vụ cách mạng với nhiều khó khăn.

Bốn là, bên cạnh những tác động tích cực từ sự nỗ lực của số đông lưu học sinh và lao động đi học tập ở nước ngoài, thì vẫn còn tình trạng lưu học sinh và lao động Việt Nam bị trả về nước bởi ý thức kỷ luật kém hoặc không đảm bảo yêu cầu về trình độ kiến thức. Hệ quả này có nguyên nhân, bên cạnh có ý thức chưa tốt trong thực hiện nhiệm vụ học tập, tự rèn luyện, đào tạo của một số lưu học sinh Việt Nam còn xuất phát từ sự giản đơn trong công tác xét duyệt hồ sơ đưa lưu học sinh đi học ở nước ngoài. Điển hình như năm học 1968-1969, do điều kiện chiến tranh nên công tác lưu học sinh không tổ chức thi tuyển mà chỉ xét lý lịch, đồng thời cũng không phải chuẩn bị một năm trong nước học ngoại ngữ và chính trị như những năm trước. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng lưu học sinh, dẫn tới số lượng gần 1/5 lưu học sinh phải trả về nước[15]. Thực tế đó ít nhiều đã để lại những ấn tượng không đẹp đối với các quốc gia tiếp nhận lưu học sinh Việt Nam.

Năm là, thực tiễn công tác tổ chức các hoạt động kết nối giáo dục quốc tế của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ 1954-1975 đã để lại nhiều kinh nghiệm quý báu: Kinh nghiệm trong giữ vững vai trò định hướng, quản lý; kinh nghiệm trong việc tăng cường hiệu quả, chất lượng quản lý; kinh nghiệm trong kịp thời nắm bắt tâm tư, khó khăn của các du học sinh; kinh nghiệm trong tạo cơ chế thuận lợi để du học sinh trở về nước phát huy tối đa trí tuệ đã được tiếp thu... Trong thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo hiện nay, mà trực tiếp và trước hết là hoạt động tổ chức đưa học sinh đi du học quốc tế, việc tham khảo những kinh nghiệm này hết sức có ý nghĩa nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả thực sự của hoạt động kết nối giáo dục này.☒

---

15 - Ngô Văn Hà: Giáo dục đại học ở miền Bắc thời kỳ 1954-1975, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 152.